TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 347/2025/HS- PT
Ngày: 11-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Kiến.

Ông Trần Hữu Tính.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa*:*

Ông Hồ Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 286/2025/TLPT-HS ngày 16 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Đào Thị Hồng N và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2025/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đào Thị Hồng N, sinh năm 1998; nơi sinh: Tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); số căn cước công dân: 082198009742; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã C, tỉnh Đồng Tháp); giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Công nhân; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 8/12; con ông Đào Hữu H (đã chết) và con bà Phạm Thị M; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hà X, sinh năm 1994; nơi sinh: Tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); số căn cước công dân: 082194015477; nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã B, tỉnh Đồng Tháp); giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 11/12; con ông Nguyễn Phúc K (đã chết) và con bà Đoàn Thị Kim L; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Đoàn Đỗ Ái Q, sinh năm 1998; nơi sinh: Tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); số căn cước công dân: 082198009865; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp V, xã V, tỉnh Đồng Tháp); giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Công nhân; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 10/12; con ông Đoàn Công T và bà Đỗ Ái L1; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1995; nơi sinh: Tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); số căn cước công dân: 082095000196; nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Sửa xe; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 6/12; con ông Nguyễn Phúc K (chết) và con bà Đoàn Thị Kim L; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Lâm Đoàn Vĩnh T4, sinh năm 1997; Nơi sinh: Tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); số căn cước công dân: 082097003248; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp V, xã V, tỉnh Đồng Tháp); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Mua bán; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 9/12; con ông Lâm Hồng G1 (chết) và con bà Đoàn Thị Hồng L2; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1995; nơi sinh: Tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); số căn cước công dân: 082195003427; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp V, xã V, tỉnh Đồng Tháp); giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Công nhân; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 11/12; con ông Nguyễn Thành T1 và con bà Đoàn Thị Kim H1; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Minh K1, sinh năm 2001; nơi sinh: Tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); số căn cước công dân: 082201003875; nơi cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp V, xã V, tỉnh Đồng Tháp); giới tính: Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: lớp 11/12; con ông Trần Minh T2 và con bà Nguyễn Thị T3; tiền án, tiền sự: Không; đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2- Đồng Tháp. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hà X, Nguyễn Hoàng G, Lâm Đoàn Vĩnh T4, Nguyễn Thị Hồng D:

Luật sư Nguyễn Trà Duy L3- Công ty L4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ *(có mặt)*.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo khác và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo; bản án sơ thẩm không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do N có xảy ra mâu thuẫn và hẹn nhau giải quyết mâu thuẫn với X và D. Khoảng 16 giờ 35 phút, ngày 04/3/2024 tại cổng Công ty F, Khu Công Nghiệp T thuộc xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, nhóm của N gồm: N, C, C1, T7, N1, N2, T5 (chưa rõ họ tên, địa chỉ cụ thể). Còn nhóm của X và D có: X, D, Q, G, T4, K1, Đ, T3, L. Tại đây, hai nhóm la hét, dùng tay, chân, mũ bảo hiểm, dao tự chế đuổi đánh, chém nhau làm mất trật tự nơi công cộng và làm bị thương 03 người gồm: G, T4, C.

Kết quả điều tra xác định người trực tiếp tham gia: Khi hai nhóm gặp nhau, N cự cãi, chửi nhau qua lại với X và Q. N dùng tay đánh nhau với Q. Q dùng tay, mũ bảo hiểm đánh lại N. D dùng tay đánh, dùng mũ bảo hiểm ném vào người N. C đi vào nói: "*Chuyện của ai người đó giải quyết*" thì Q dùng tay đánh C; C dùng chân đạp lại Q. Lúc này, G dùng đoạn sắt đánh C, T4 dùng mũ bảo hiểm ném vào người C; T7 nhào vô dùng tay đánh Q, G để giải vây cho N và C. Thấy G bị Thương, nên ông T3 vào can ngăn ôm T7 lại và té ngã; C1 dùng mũ bảo hiểm ném vào nhóm X; C mở cốp xe mô tô 02 bánh biển số 63B3- 615.30 của N lấy 02 con dao tự chế cầm trên 02 tay chạy lại chém T4 trúng tay trái gây thương tích; K1 dùng mũ bảo hiểm đánh vào người C làm đứt quay nón, rồi dùng tay phải chụp được tay trái cầm dao của C làm C té ngã; K1 giật được dao tự chế của C cầm trên tay trái rồi chém C gây thương tích; G cầm đoạn sắt chạy lại đánh C thì bị C chém lại trúng vào gò má trái của G gây thương tích.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 98-2024/KLTTCT-TTPY ngày 26/3/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh T đối với Lâm Đoàn Vĩnh T4 kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Kết quả khám giám định:

+ Sẹo vết mổ trùng sẹo vết thương mặt trước cổ tay trái. Đứt gân gấp cổ tay trái, gân gấp chung các ngón tay trái, đã phẫu thuật khâu nối gân không có biểu hiện cứng khớp.

+ Sẹo vết thương mặt lưng đốt bàn ngón I bàn tay trái.

+ Đứt thần kinh trụ tay trái tại cẳng tay đã phẫu thuật khâu nối thần kinh.

- Kết quả cận lâm sàng:

Kết quả đo điện cơ tay trái: Tổn thương dây thần kinh trụ bên trái tại cẳng

tay, cách cổ tay 04 cm (ở vị trí vết thương) không hoàn toàn (đã phẫu thuật).

2. Kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Lâm Đoàn Vĩnh T4 là: 26% (Hai mươi sáu phần trăm), thương tích do vật sắc gây nên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 98-2024/KLTTCT-TTPY ngày 26/3/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh T đối với Nguyễn Hoàng G kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Kết quả khám giám định:

+ Sẹo vết thương dưới gò má trái.

+ Sây sát da gối trái để lại vết thay đổi sắc tố da.

2. Kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Hoàng G là: 07% (Bảy phần trăm). Trong đó:

+ Sẹo vết thương dưới gò má trái. Tỷ lệ: 06% (Sáu phần trăm), thương tích do vật sắc gây nên.

+ Sây sát da gối trái để lại vết thay đổi sắc tố da. Tỷ lệ: 01% (Một phần trăm), thương tích do vật tầy gây nên.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 158-2024/KLTTCT-TTPY ngày 07/5/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh T đối với Nguyễn Văn C kết luận:

1. Các kết quả chính:

Kết quả khám giám định. Hai sẹo vết thương vùng vai trái.

2. Kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Văn C là: 02% (Hai phần trăm), thương tích do vật nhọn gây nên.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai người làm chứng và các chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án thu giữ:

** Tại hiện trường:*

- 01 (một) đĩa DVD chứa 03 đoạn video (dài 02 phút 20 giây; 11 giây; 13 giây) ghi lại diễn biến của vụ án do người dân cung cấp (kèm theo hồ sơ vụ án).

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng, mỏ màu đen và 01 (một) quay mũ bảo hiểm màu đen, đã bị đứt (K1 dùng mũ này thực hiện hành vi phạm tội).

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu xám, mỏ màu đen.

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng hồng (N làm rơi tại hiện trường).

- 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen, có sọc carô (C1 dùng thực hiện hành vi phạm tội).

- 04 (bốn) đôi dép các loại, trong đó có 01 chiếc bị đứt quay.

- 01 (một) bình giữ nhiệt màu đỏ- trắng.

- 01 (một) khẩu trang y tế có dính nhiều vết màu đỏ nghi máu.

* *Nguyễn Văn C*:

- 01 con dao tự chế dài 48cm, lưỡi dao dài 36cm, nơi rộng nhất 5,5cm, nơi hẹp nhất 3,5cm, mũi dao hình bầu dục, cán dao bằng cây dẹp dài 12cm, lưỡi dao sắc bén, màu đen. C dùng làm hung khí thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh, kiểu dáng wave, màu đỏ-đen, biển số 63X4-1001.

- 01 (một) quần Jean màu đen-xám, mặt trước 02 bên quần có chữ GMIGM CTSOGM và 01 (một) áo khoát thun dài tay màu đen (loại có phần vải thun che đầu), phía sau phần lưng của áo có 02 lỗ thủng cách nhau 08cm, đây là quần áo C mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

* *Lâm Đoàn Vĩnh T4*:

- 01 (một) dao tự chế dài 48cm, trong đó, lưỡi dao dài 36cm, nơi rộng nhất 5,5cm, nơi hẹp nhất 3,5cm, mũi hình bầu dục; cán dao dài 12cm, nơi rộng nhất 04cm, nơi hẹp nhất 3,5cm bằng gỗ quấn băng keo bên ngoài bằng nhựa màu đen (lưỡi dao một cạnh sắc bén, bằng kim loại màu trắng-đen-nâu), đây là con dao C dùng làm hung khí thực hiện hành vi phạm tội.

- 01 (một) xe mô tô 02 bánh, hiệu Exeiter màu trắng-đỏ, biển số 63B3-486.40.

* *Nguyễn Thị Hồng D:*

01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng, loại NÓN SƠN, mỏ màu đen, tem nón có ghi No.08.08-00. D sử dụng làm hung khí thực hiện hành vi phạm tội.

* *Nguyễn Minh K1*:

01 (một) áo bằng vải dài tay màu xám, có sọc màu đen, mặt trong cổ áo có ghi chữ TSTIANSHU; 01 (một) quần Jean màu xanh, loại quần ngắn, mặt trong có ghi chữa ALLAN, đây là quần áo K1 mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

* *Đào Thị Hồng N:* 01 xe mô tô 02 bánh biển số 63B3- 615.30.

* *Nguyễn Văn C1:* 01 xe mô tô 02 bánh biển số 55P9-6063.

* *Nguyễn Hoàng G:* 01 xe mô tô 02 bánh biển số 63B9- 748.51.

* *Ngô Quang T6:* 01 xe mô tô 02 bánh biển số 63B3-566.84.

* *Nguyễn Phương N1:* 01 xe mô tô 02 bánh biển số 63B3-528.76.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2025/HS-ST ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp đã Quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Cố ý gây thương tích" và tội "Gây rối trật tự công cộng".

Tuyên bố các bị cáo Đào Thị Hồng N, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Hà X, Đoàn Đỗ Ái Q, Nguyễn Hoàng G, Lâm Đoàn Vĩnh T4, Nguyễn Thị Hồng D, Nguyễn Minh K1 về tội "Gây rối trật tự công cộng".

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điều 17; Điều 32; Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 02 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 32; Điều 38, Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 02 năm 06 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng".

Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo chấp hành là 05 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 01/8/2024.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 32; Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Thị Hồng N 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hà X 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng D 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K1 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T7 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 02/6/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng G 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Đoàn Đỗ Ái Q 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lâm Đoàn Vĩnh T4 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và nêu quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/8/2025, bị cáo Đào Thị Hồng N kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng cho bị cáo được hưởng án treo.

Ngày 04/8/2025, các bị cáo Đoàn Đỗ Ái Q, Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Hà X, Lâm Đoàn Vĩnh T4, Nguyễn Minh K1, Nguyễn Thị Hồng D kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đào Thị Hồng N, Đoàn Đỗ Ái Q, Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Hà X, Lâm Đoàn Vĩnh T4, Nguyễn Minh K1, Nguyễn Thị Hồng D thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng pháp luật, không oan, sai. Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Kiểm sát viên phân tích hành vi của các bị cáo, nêu các yếu tố cấu thành tội phạm, xác định bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Mức hình phạt theo quyết định của Tòa án sơ thẩm là phù hợp. Qua xét xử phúc thẩm xác định không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của các bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Hà X, Nguyễn Hoàng G, Lâm Đoàn Vĩnh T4, Nguyễn Thị Hồng D phát biểu:

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt do hoàn cảnh các bị cáo khó khăn, con còn nhỏ. Theo quy định tại Luật trẻ em thì trẻ em có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, nghĩa vụ này thuộc về cha mẹ. Bị cáo D có xác nhận của chính quyền địa phương là hoàn cảnh khó khăn, là mẹ đơn thân, nuôi con nhỏ, mẹ bị cáo không có khả năng lao động, bị cáo là lao động chính. Bị cáo G được chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh khó khăn, có 02 con nhỏ, bị cáo cũng bị thương tích. Bị cáo Hà X được chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh khó khăn, nuôi con nhỏ, cha chồng của bị cáo có thời gian tham gia Thanh niên xung phong. Bị cáo T4 có xác nhận của chính quyền địa phương hoàn cảnh khó khăn, có cha tham gia lực

lượng Thanh niên xung phong, vợ của bị cáo cũng là bị cáo trong vụ án này, hai vợ chồng cùng chấp hành án tù thì hoàn cảnh càng khó khăn hơn. Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần được xem xét giảm nhẹ để có thời gian lo cho gia đình. Kháng cáo của các bị cáo là chính đáng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo.

Tại phần tranh luận các bị cáo không tranh luận. Trong lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thời hạn kháng cáo của các bị cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên kháng cáo của các bị cáo được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Đào Thị Hồng N, Đoàn Đỗ Ái Q, Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Hà X, Lâm Đoàn Vĩnh T4, Nguyễn Minh K1, Nguyễn Thị Hồng D, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Vào khoảng 16 giờ 35 phút, ngày 04/3/2024 tại cổng Công ty F, Khu Công Nghiệp T thuộc xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp), các bị cáo Nguyễn Văn C, Đào Thị Hồng N, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Hà X, Đoàn Đỗ Ái Q, Nguyễn Hoàng G, Lâm Đoàn Vĩnh T4, Nguyễn Thị Hồng D, Nguyễn Minh K1 có hành vi la hét, dùng tay, chân, mũ bảo hiểm, dao tự chế đuổi đánh, chém nhau. Hành vi của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nơi công cộng.

Bị cáo Nguyễn Văn C đã có hành vi dùng dao tự chế (hung khí nguy hiểm) chém Lâm Đoàn Vĩnh T4 gây thương tích với tỷ lệ thương tật 26%.

Bị cáo K1 có sử dụng dao gây thương tích cho C với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%. Bị cáo C có sử dụng dao gây thương tích cho G với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 07%. C, G không yêu cầu xử lý hình sự đối với người đã gây thương tích cho mình nên Cơ quan điều tra không khởi tố K1, C về tội "Cố ý gây thương tích".

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã tác động xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm để không chỉ cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt mà còn góp phần răn đe và phòng ngừa chung.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C, Đào Thị Hồng N, Nguyễn Văn T7, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Hà X, Đoàn Đỗ Ái Q, Nguyễn Hoàng G, Lâm Đoàn Vĩnh T4, Nguyễn Thị Hồng D, Nguyễn Minh K1 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng" theo điểm b

khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

Bị cáo Đào Thị Hồng N kháng cáo xin được hưởng án treo vì phải nuôi con nhỏ, cung cấp bản sao bằng khen có công cách mạng của ông ngoại là cụ Phạm Văn T8, đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đoàn Đỗ Ái Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và có cung cấp đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V về việc xác nhận bị cáo phải nuôi con nhỏ và là lao động chính trong gia đình. Bị cáo Nguyễn Hoàng G kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và có cung cấp đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B về việc xác nhận bị cáo phải nuôi con nhỏ và là lao động chính trong gia đình. Bị cáo Nguyễn Hà X kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và có cung cấp đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B về việc xác nhận bị cáo phải nuôi con nhỏ và có cha chồng tham gia lực lượng Thanh niên xung phong. Bị cáo Lâm Đoàn Vĩnh T4 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và có cung cấp đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V về việc xác nhận bị cáo có cha tham gia lực lượng Thanh niên xung phong. Bị cáo Nguyễn Minh K1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Bị cáo Nguyễn Thị Hồng D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và có cung cấp đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V về việc xác nhận bị cáo phải nuôi con nhỏ.

Xét thấy, đây là vụ án "Cố ý gây thương tích" và "Gây rối trật tự công cộng" xảy ra tại cổng Công ty F, khu công nghiệp T. Đây là khu vực đông dân cư, nơi doanh nghiệp hoạt động. Các bị cáo thực hiện hành vi gây gỗ, đánh nhau để giải quyết mâu thuẫn giữa 2 nhóm và có sử dụng hung khí là dao, thanh sắt, nón bảo hiểm. Trong đó bị cáo C bị xử lý 2 tội là "Cố ý gây thương tích" và "Gây rối trật tự công cộng" là phù hợp; bị cáo K1 không bị xử lý hình sự là do bị hại không yêu cầu khởi tố, tuy nhiên tính chất, mức độ của hành vi đã thực hiện là nguy hiểm. Các bị cáo rượt đuổi đánh nhau, la hét sử dụng hung khí gây mất trật tự, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người dân, doanh nghiệp, thời điểm đánh nhau là 16 giờ 35, đây là giờ cao điểm đông đúc tại khu công nghiệp. Đây là vụ án có đồng phạm, Tòa án cấp sơ thẩm đã phân hóa vai trò và áp dụng hình phạt cho từng bị cáo là phù hợp, đúng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Các bị cáo có kháng cáo, cung cấp các tình tiết để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy mức hình phạt đã áp dụng là phù hợp và để ổn định bản án, đủ sức giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung, nên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận; không có cơ sở để chấp nhận quan điểm bào chữa của Luật sư, lý do đã phân tích ở phần trên.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Mỗi bị cáo kháng cáo phải chịu 200.000

đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo của các bị cáo Đào Thị Hồng N, Đoàn Đỗ Ái Q, Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Hà X, Lâm Đoàn Vĩnh T4, Nguyễn Minh K1, Nguyễn Thị Hồng D.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2025/HS-ST ngày 22/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp về phần hình phạt.

2. Tuyên bố các bị cáo Đào Thị Hồng N, Nguyễn Hà X, Đoàn Đỗ Ái Q, Nguyễn Hoàng G, Lâm Đoàn Vĩnh T4, Nguyễn Thị Hồng D, Nguyễn Minh K1 phạm tội "Gây rối trật tự công cộng".

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 32; Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Thị Hồng N 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 32; Điều 38, Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hà X 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng D 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh K1 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng G 02 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Đoàn Đỗ Ái Q 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Xử phạt bị cáo Lâm Đoàn Vĩnh T4 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/02/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đào Thị Hồng N, Đoàn Đỗ Ái Q, Nguyễn Hoàng G, Nguyễn Hà X, Lâm Đoàn Vĩnh T4, Nguyễn Minh K1, Nguyễn Thị Hồng D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2025/HS-ST ngày 22/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đồng Tháp không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực 3 – Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 3 – Đồng Tháp;
- THAHS CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực 3;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Anh